TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 06/03/2019
V/v:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thanh Phong**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Thực

2. Bà Lê Thị Nhung

Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Thị Vui** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: **Ông Hồ Văn Cảm** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2015/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 05 năm 2015 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 497/2019/QĐ-ST ngày 12 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 886/2019/QĐ-ST ngày 22/02/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vương Nữ Kiều D (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 113/12A, khu phố R, phường LX, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Mai SR C H (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 3050 BD # 42, A, CA 92804, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Vương Nữ Kiều D trình bày trong đơn khởi kiện và các bản tự khai:

Ngày 04/9/2009, Bà Vương Nữ Kiều Dvà ông Mai SR C H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vào sổ đăng ký kết hôn số 2961, quyển số 10 ngày 07/9/2009. Sau đó 01 tháng, ông Mai SR C H về Hoa Kỳ và không trở lại Việt Nam.

- Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, do đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, thường xuyên gây gổ, mâu thuẫn trầm trọng, nên Bà Vương Nữ Kiều D yêu cầu được Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Mai SR C H.

- Về con chung: Bà Vương Nữ Kiều D và ông Mai SR C H không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Vương Nữ Kiều D và ông Mai SR C H không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc, bà D xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

2. Ý kiến của bị đơn: Ông Mai SR C H đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại buổi hòa giải và không có văn bản gửi ý kiến.

Tại phiên tòa, bà Vương Nữ Kiều D và ông Mai SR C H đều vắng mặt,

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Vương Nữ Kiều D xin ly hôn ông Mai SR C H. Theo địa chỉ của ông Mai SR C H trong giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ông Mai SR C H đang cư trú tại Hoa Kỳ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà D thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về sự vắng mặt của các đương sự

Bà Vương Nữ Kiều D xin vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Vương Nữ Kiều D.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã 02 lần gửi công văn ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam cho ông Mai SR C H nhưng đều không nhận được sự trả lời. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Mai SR C H.

3. Xét yêu cầu của đương sự:

Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 2961, quyển số 10 ngày 07/9/2009 do ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thể hiện: Bà Vương Nữ Kiều D và ông Mai SR C H là vợ chồng hợp pháp.

Theo lời khai của bà D: Ngày 04/9/2009, Bà Vương Nữ Kiều D và ông Mai SR C H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vào sổ đăng ký kết hôn số 2961, quyển số 10 ngày 07/9/2009. Sau đó 01 tháng, ông Mai SR C H về Hoa Kỳ và không trở lại Việt Nam. Bà D và ông Mai SR C H ít liên lạc với nhau. Sau khi kết hôn, do đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, thường xuyên gây gổ, mâu thuẫn trầm trọng, nên Bà Vương Nữ Kiều D yêu cầu được Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Mai SR C H.

Trước yêu cầu xin ly hôn của bà D, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã 02 lần gửi công văn ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam cho ông Mai SR C H nhưng đều không nhận được sự trả lời.

Như vậy, trên thực tế bà D với ông Mai SR C H đã không sống chung với nhau từ lâu, hiện mỗi người ở mỗi nước không còn quan tâm chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu của bà D được ly hôn ông Mai SR C H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà D và ông Mai SR C H không có con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Bà Vương Nữ Kiều D phải chịu án phí sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 122; Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của ủy ban Thường vụ thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Bà Vương Nữ Kiều D được ly hôn ông Mai SR C H.

2. Về con chung: Bà Vương Nữ Kiều D và ông Mai SR C H không có con chung.

3. Tài sản chung, nợ chung: Bà Vương Nữ Kiều D khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Bà Vương Nữ Kiều D phải chịu án phí sơ thẩm là 200.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng) do bà D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2010/08481 ngày 22/4/2015 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về quyền kháng cáo: Bà Vương Nữ Kiều D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Ông Mai SR C H có quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Phong